

Hải phòng, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lương Ngọc Anh

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 243/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 277/2026/QĐST-VDS ngày 13 tháng 5 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh **Lưu Văn C**, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1973; số căn cước công dân 031073016429 và chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1979; số căn cước công dân 031179008390; nơi thường trú: **Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng**; đều có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nộp tại Tòa án ngày 06 tháng 4 năm 2026 và các lời khai tại Tòa án, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh **Lưu Văn C và chị **Nguyễn Thị H** thống nhất trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng** vào ngày 01 tháng 11 năm 1996. Do thời điểm đó, anh **C** và chị **H** chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên để được đăng ký kết hôn chị **H** đã khai tăng 02 tuổi từ **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1979 thành **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 01 tháng

02 năm 1977. Anh Công khai tăng 01 tháng tuổi từ **Lưu Văn C**, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1973 thành **Lưu Văn C**, sinh ngày 11 tháng 5 năm 1973 và đã được **UBND xã T, huyện A** (nay là **UBND xã A**), thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 021/1996 ngày 01 tháng 11 năm 1996.

Sau khi kết hôn, chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** chung sống hòa thuận hạnh phúc và sinh được 04 người con chung tên **Lưu Đình V**, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1998; **Lưu Yên N**, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2008; **Lưu Thị Yên N1**, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011 và **Lưu Văn T**, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2016.

Nay chị **H**, anh **C** cùng làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 021/1996 ngày 01 tháng 11 năm 1996 của **UBND xã T, huyện A** (nay là **UBND xã A**), thành phố Hải Phòng.

Tại phiên họp, chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** thống nhất thay đổi nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 021/1996 ngày 01 tháng 11 năm 1996 của **UBND xã T, huyện A** (nay là **UBND xã A**), thành phố Hải Phòng bằng yêu cầu Tòa án công nhận hôn nhân hợp pháp giữa anh **C** và chị **H** vì lý do tại thời điểm kết hôn do chưa đủ tuổi nên chị **H** và anh **C** đã khai tăng tuổi nhưng nay chị **H** và anh **C** đều đã đủ tuổi và đủ điều kiện kết hôn. Chị **H** và anh **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung và tài sản chung.

Tại phiên họp, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39; các Điều 361, 367 369, 370, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C**, công nhận hôn nhân hợp pháp giữa của chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** kể từ ngày 01 tháng 12 năm 1996. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là việc hôn nhân và gia đình về yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp quy định tại khoản 11 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu có nơi cư trú tại **xã A, thành phố Hải Phòng** theo quy định tại Điều 35;

điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp của người yêu cầu là chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C**.

Nhận thấy: Ngày 01 tháng 11 năm 1996, do thời điểm đó, anh **C** và chị **H** đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên để được đăng ký kết hôn chị **H** đã khai tăng 02 tuổi từ **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1979 thành **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1977. Anh **C** khai tăng 01 tháng tuổi từ **Lưu Văn C**, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1973 thành **Lưu Văn C**, sinh ngày 11 tháng 5 năm 1973 và sau đó anh **C**, chị **H** đã được UBND xã **T**, huyện **A** (nay là UBND xã **A**), thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 021/1996 ngày 01 tháng 11 năm 1996.

Nay anh **C**, chị **H** đều đã đủ tuổi đăng ký kết hôn và đủ điều kiện kết hôn nên anh **C** và chị **H** thống nhất thay đổi nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 021/1996 ngày 01 tháng 11 năm 1996 của UBND xã **T**, huyện **A** (nay là UBND xã **A**), thành phố Hải Phòng bằng yêu cầu Tòa án công nhận hôn nhân hợp pháp giữa anh **C** và chị **H**. Xét yêu cầu của anh **C** và chị **H** là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 361, 367 369, 370; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Công nhận hôn nhân hợp pháp giữa chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** kể từ ngày 01 tháng 12 năm 1996.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 11 Điều 29; Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39; các Điều 361, 367 369, 370; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự, công nhận hôn nhân hợp pháp giữa chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** kể từ ngày 01 tháng 12 năm 1996.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** bà **H** đã nộp

tạm ứng lệ phí theo biên lai số: 0004587 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu là chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lưu Văn C** có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 2 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã An Lão; TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lương Ngọc Anh

